

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2017 - 2018

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi : 27/03/2018

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
1	372740	Nguyễn Thị Mai Phương	3727	10	19	30	24	37	460	130	590	10.0
2	380230	Tạ Thị Nhung	3802	10	20	16	28	93	400	470	870	10.0
3	380228	Lê Thị Lan	3802	6	15	27	21	85	370	420	790	10.0
4	380634	Vũ Đức Thuận	3806	3	11	7	12	59	145	265	410	
5	391240	Lương Thị Minh Thu	3912	10	30	30	14	87	465	430	895	10.0
6	390266	Bùi Thị Tuyến	3902	10	8	28	25	100	385	495	880	10.0
7	390919	Hoàng Cẩm Tú	3909	4	13	30	30	91	420	455	875	10.0
8	390448	Nguyễn Thị Tố Anh	3904	5	15	30	29	88	430	435	865	10.0
9	391241	Trịnh Thị Kim Tuyến	3912	10	14	30	7	100	320	495	815	10.0
10	392843	Trương Thị Khánh Ly	3928	6	16	30	30	70	450	335	785	10.0
11	392635	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	3926	9	18	30	15	77	390	380	770	10.0
12	390765	Đỗ Thanh Mai	3907	8	16	30	24	71	425	340	765	10.0
13	392530	Phạm Thị Trinh	3925	8	26	23	21	67	425	320	745	10.0
14	392610	Hoàng Thị Thu An	3926	9	25	13	17	80	340	395	735	10.0
15	392448	Tô Thị Phương Liên	3924	10	26	25	13	66	400	310	710	10.0
16	391606	Vũ Thị Chà Ly	3916	10	18	9	6	99	200	495	695	10.0
17	391070	Dương Trần Minh	3910	7	17	11	7	97	195	495	690	10.0
18	390212	Phạm Huy Tuấn	3902	8	13	6	18	92	215	465	680	10.0
19	391880	Trần Thị Phương Linh	3918	3	12	11	15	88	190	435	625	10.0
20	392408	Hoàng Anh Thơ	3924	3	12	30	30	48	405	200	605	10.0
21	390981	Tạ Thị Ngọc Quỳnh	3909	9	19	11	19	62	300	285	585	10.0
22	392468	Đặng Thị Lan	3924	5	30	30	4	50	370	215	585	10.0
23	390319	Vũ Thị Quế	3903	10	16	11	10	72	230	350	580	10.0
24	390826	Đào Thị Bích Phượng	3908	7	15	17	10	70	245	335	580	10.0
25	390848	Đặng Sơn Hải	3908	10	21	11	19	52	320	225	545	9.5
26	391648	Lê Thị Thùy Dung	3916	5	16	3	8	80	140	395	535	9.5
27	392514	Nguyễn Thị Thư	3925	9	11	27	13	51	315	220	535	9.5
28	390206	Nguyễn Đỗ Ngọc Oanh	3902	10	12	8	15	66	215	310	525	9.0
29	392325	Nguyễn Thị Trang	3923	3	13	16	19	59	255	265	520	9.0
30	392565	Đỗ Thanh Phương	3925	6	18	13	14	59	255	265	520	9.0
31	391627	Nguyễn Thị Hằng	3916	5	19	5	6	71	160	340	500	8.5
32	392030	Trần Thị Ngát	3920	7	16	14	11	57	240	255	495	8.5
33	390416	Nguyễn Thùy Dương	3904	7	17	14	13	54	255	235	490	8.5
34	390456	Đỗ Thị Bích Lệ	3904	5	15	10	10	64	185	300	485	8.5
35	391065	Nguyễn Thị Hồng Việt	3910	4	20	14	13	52	255	225	480	8.5
36	390321	Trần Thị Quỳnh Trang	3903	10	10	7	5	68	140	325	465	8.0
37	390840	Hà Thị Tuyết Mai	3908	5	15	14	11	55	215	240	455	8.0
38	391304	Phùng Tiến Anh	3913	5	12	17	8	57	195	255	450	8.0
39	392571	Đỗ Huyền My	3925	8	15	9	14	53	220	230	450	8.0
40	392421	Phạm Thị Thanh Hằng	3924	5	8	8	7	68	120	325	445	
41	390770	Nguyễn Thị Bảo Quyên	3907	10	15	12	25	33	325	110	435	
42	390980	Nguyễn Thùy Dương	3909	5	16	12	17	44	250	175	425	
43	392607	Văn Đình Thông	3926	8	13	11	13	49	215	210	425	
44	392267	Cao Bích Hời	3922	10	14	13	14	42	255	165	420	
45	392433	Phạm Thị Thuý	3924	4	18	14	13	42	245	165	410	
46	391459	Nguyễn Văn Nam	3914	8	11	13	16	41	240	160	400	
47	392568	Chu Phương Thảo	3925	7	22	12	14	28	280	80	360	
48	391149	Đỗ Thị Thúy	3911	6	12	12	9	43	180	170	350	

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2017 - 2018

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

27/03/2018

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
49	392570	Lý Thu Thảo	3925	6	13	10	14	39	200	145	345	
50	390920	Nguyễn Thị Thảo	3909	4	15	9	13	37	190	130	320	
51	390134	Tạ Thị Giang	3901	4	8	10	8	39	130	145	275	
52	391422	Lương Thị Tinh	3914	4	17	12	8	29	190	85	275	
53	392444	Nguyễn Thị Hải	3924	7	13	9	6	33	160	110	270	
54	391104	Cao Minh Công	3911	6	11	12	8	28	170	80	250	
55	390471	Trương Ngọc Anh	3904	3	12	6	10	27	135	70	205	
56	390234	Lê Thị Lan Anh	3902	5	12	6	11	20	150	30	180	
57	390404	Khương Văn Trang	3904									
58	390451	Lý Quỳnh Hoa	3904									
59	390658	Trần Thị Minh Thủy	3906									
60	391437	Đặng Trung Nghĩa	3914									
61	391610	Tạ Thảo Nhi	3916									
62	391643	Lê Hoàng Sơn	3916									
63	391929	Nguyễn Sỹ Sơn	3919									
64	391950	Lê Thị Mỹ Huyền	3919									
65	392169	Bùi Trung Đức	3921									
66	392518	Nguyễn Văn Phương	3925									
67	392527	Phạm Thị Như Trang	3925									
68	392839	Nguyễn Hoàng Minh	3928									
69	402328	Ngô Tôn Phương Anh	4023	10	29	26	24	96	490	490	980	10.0
70	403808	Lưu Thanh Thủy	4038	9	26	27	28	91	495	455	950	10.0
71	402814	Lê Hồng Thẩm	4028	7	14	30	30	99	445	495	940	10.0
72	403527	Nguyễn Anh Minh	4035	10	17	25	29	93	445	470	915	10.0
73	402617	Nguyễn Thùy Linh	4026	9	23	23	30	84	470	415	885	10.0
74	403250	Nguyễn Hà Phương	4032	10	30	28	27	78	495	385	880	10.0
75	402024	Nguyễn Phương Linh	4020	7	11	29	28	91	405	455	860	10.0
76	401715	Phạm Thị Thu Trà	4017	9	15	16	30	92	380	465	845	10.0
77	403014	Cao Thế Vinh	4030A	9	26	26	26	75	480	365	845	10.0
78	403123	Lê Thị Quỳnh Trang	4031	8	18	29	30	68	470	325	795	10.0
79	400965	Phan Thị Thanh Tâm	4009	10	19	24	4	99	295	495	790	10.0
80	401731	Giang Bảo Ngọc	4017	10	10	24	15	94	310	480	790	10.0
81	400906	Lâm Quang An	4009	10	14	2	30	97	290	495	785	10.0
82	401724	Chu Tuệ Anh	4017	9	21	21	13	89	340	445	785	10.0
83	401264	Nguyễn Thị Yến Nhi	4012	2	11	27	30	80	380	395	775	10.0
84	403834	Trần Nhã Nam	4038	9	24	20	18	79	385	390	775	10.0
85	402935	Nguyễn Huyền Trang	4029A	7	22	23	20	77	390	380	770	10.0
86	403039	Trần Thị Thu Hoa	4030A	5	28	20	24	70	420	335	755	10.0
87	403141	Nguyễn Lâm Oanh	4031	9	26	28	29	57	495	255	750	10.0
88	402715	Đào Huy Hậu	4027	9	10	27	30	70	410	335	745	10.0
89	401230	Nguyễn Kim Anh	4012	10	11	19	17	89	295	445	740	10.0
90	401205	Nguyễn Thị Mỹ Linh	4012	7	20	17	14	86	300	425	725	10.0
91	402920	Hoàng Thị Minh Thảo	4029A	8	21	26	24	63	430	290	720	10.0
92	400717	Đào Duy Dũng	4007	8	21	21	20	70	380	335	715	10.0
93	400805	Nguyễn Thùy Ngân	4008	9	20	22	30	58	445	260	705	10.0
94	402017	Đàm Ngọc Mai Phương	4020	3	16	14	11	99	210	495	705	10.0
95	402511	Nguyễn Anh Vinh	4025	9	27	20	24	59	440	265	705	10.0
96	403156	Đỗ Thị Thùy Trang	4031	5	26	19	19	69	370	330	700	10.0

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2017 - 2018

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

27/03/2018

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
97	403263	Nguyễn Hồng Hạnh	4032	9	21	14	18	75	325	365	690	10.0
98	400905	Trần Hải Ly	4009	10	10	27	28	61	405	280	685	10.0
99	401914	Hoàng Bích Diệp	4019	5	11	13	12	99	190	495	685	10.0
100	402221	Đào Khánh Huyền	4022	3	12	11	15	96	190	490	680	10.0
101	401864	Đoàn Thu Trang	4018	10	19	27	15	61	385	280	665	10.0
102	402901	Trần Minh Hằng	4029A	10	22	22	19	59	395	265	660	10.0
103	402923	Trần Ngọc Thành	4029A	7	18	19	18	70	325	335	660	10.0
104	401559	Đặng Thị Hồng ánh	4015	3	11	13	8	100	160	495	655	10.0
105	401228	Nguyễn Thúy Ngọc	4012	2	12	11	30	76	280	370	650	10.0
106	400954	Trương Thị Oanh	4009	6	12	7	14	92	180	465	645	10.0
107	400403	Phạm Tuấn Mạnh	4004	3	12	25	4	87	210	430	640	10.0
108	402124	Vũ Thị Thanh Tâm	4021	7	18	16	14	73	280	355	635	10.0
109	400222	Dương Mai Ngọc	4002	7	12	26	12	70	295	335	630	10.0
110	402451	Đinh Hoàng Thùy Linh	4024	10	18	16	18	64	325	300	625	10.0
111	403815	Dương Việt Trinh	4038	5	16	24	16	65	320	305	625	10.0
112	402902	Lê Khánh Huyền	4029A	10		21	20	74	255	360	615	10.0
113	401869	Trần Thị Thu Thủy	4018	3	14	7	11	90	160	450	610	10.0
114	403033	Ninh Thị Thuý	4030A	7	13	15	10	79	215	390	605	10.0
115	403749	Nguyễn Thị Kim Ngân	4037	7	15	15	18	67	280	320	600	10.0
116	403773	Phạm Thị Hoa	4037	8	18	11	19	66	290	310	600	10.0
117	401069	Bàn Hữu Chung	4010	2	8	6	8	98	95	495	590	10.0
118	403008	Ngô Thị Thùy Linh	4030A	6	27	18	19	49	380	210	590	10.0
119	401104	Lê Thị Hồng Vi	4011	7	16	28	30	38	445	140	585	10.0
120	401208	Phạm Thị Quỳnh Hoa	4012	9	19	16	17	59	320	265	585	10.0
121	403026	Huỳnh Phương Ngân	4030A	9	15	21	20	53	345	230	575	10.0
122	400140	Lê Thị Hương Giang	4001	2	10	9	6	91	115	455	570	9.5
123	402304	Nguyễn Hoàng Trang	4023	8	13	14	13	68	240	325	565	9.5
124	403004	Nguyễn Tuấn Anh	4030A	9	21	19	16	50	345	215	560	9.5
125	403610	Đinh Thị Ban	4036	10	9	26	25	43	380	170	550	9.5
126	402154	Đào Thị Yến	4021	4	16	10	10	74	185	360	545	9.5
127	400426	Nguyễn Thị Ngọc Linh	4004	9	24	21	8	50	325	215	540	9.5
128	403466	Vương Thùy Linh	4034	7	16	10	9	70	195	335	530	9.0
129	400706	Trần Minh Ngọc	4007	9	14	30	3	54	290	235	525	9.0
130	402110	Nguyễn Tiến Đạt	4021	4	22	19	18	47	330	195	525	9.0
131	402637	Hoàng Thị Kim Anh	4026	6	15	17	11	59	245	265	510	9.0
132	400413	Nguyễn Thị Hối	4004	10	13	13	14	57	250	255	505	9.0
133	400960	Nguyễn Trang Ly	4009	2	21	12	18	54	270	235	505	9.0
134	402929	Trần Lê Ngọc Minh	4029A	7	20	12	11	57	250	255	505	9.0
135	400617	Trần Thành Hưng	4006	6	21	15	12	49	275	210	485	8.5
136	401349	Nguyễn Thị Hằng	4013	8	20	15	11	49	275	210	485	8.5
137	401927	Nguyễn Thị Thái Hòa	4019	8	19	12	13	51	260	220	480	8.5
138	401347	Vương Tin	4013	5	19	9	18	51	255	220	475	8.5
139	402312	Hà Thị Linh Hương	4023	4	16	18	17	47	280	195	475	8.5
140	403601	Vũ Thị Minh Châu	4036	10	21	19	7	45	295	180	475	8.5
141	400207	Đỗ Thế Vương	4002	10	14	4	10	62	175	285	460	8.0
142	403143	Trần Thị Quỳnh	4031	5	14	17	16	48	260	200	460	8.0
143	401113	Đoàn Thị Chinh	4011	5	13	20	16	45	275	180	455	8.0
144	401907	Phan Như Quỳnh	4019	10	9	16	11	53	220	230	450	8.0

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2017 - 2018

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

27/03/2018

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
145	402001	Nguyễn Thị Huyền	4020	7	21	16	14	39	300	145	445	
146	402417	Hoàng Thị Thuỷ	4024	9	15	11	10	53	215	230	445	
147	402657	Dương Thị Dung	4026	10	12	15	13	47	250	195	445	
148	400549	Hoàng Thị Ly	4005	5	15	13	10	53	200	230	430	
149	400118	Chu Thị Ngọc Anh	4001	5	19	13	14	43	255	170	425	
150	401453	Nguyễn Thị Thanh Hải	4014	3	15	11	24	39	270	145	415	
151	402301	Tạ Thị Phương Thảo	4023	6	14	9	13	51	195	220	415	
152	402520	Phạm Thu Thảo	4025	7	17	19	8	41	255	160	415	
153	400541	Nguyễn Thị Linh	4005	6	14	12	16	43	240	170	410	
154	401247	Tống Văn Tài	4012	6	16	11	13	44	220	175	395	
155	400610	Thân Ngọc Quang	4006	5	11	28	7	37	255	130	385	
156	400269	Quách Thị Thủy	4002	10	13	10	15	38	240	140	380	
157	402223	Nguyễn Thị Hương Giang	4022	6	18	23	14	24	320	50	370	
158	401310	Phan Văn Minh	4013	4	13	10	6	50	145	215	360	
159	402256	Nguyễn Thị Tình	4022	7	15	19	11	31	260	95	355	
160	402267	Lãnh Đức Thiện	4022	3	12	9	8	50	140	215	355	
161	401550	Nông Thị Sơn	4015	10	16	8	14	33	240	110	350	
162	400543	Phạm Thị Hồng Nhung	4005	7	16	8	8	42	180	165	345	
163	400114	Nguyễn Đức Thuận	4001	3	14	13	12	38	195	140	335	
164	402114	Trần Trung Đức	4021	10	16	14	15	21	280	35	315	
165	402152	Vũ Thị Ngọc ánh	4021	2	22	11	11	31	220	95	315	
166	403528	Bùi Thị Thanh Phương	4035	10	17	8	15	26	250	65	315	
167	402335	Phạm Thị Việt Mỹ	4023	6	15	9	9	37	180	130	310	
168	402522	Phạm Thị Phương Anh	4025	3	13	9	15	34	185	115	300	
169	401936	Nguyễn Hồng Nhiên	4019	7	13	14	6	32	185	100	285	
170	401614	Vũ Thị Hải Yến	4016	5	14	12	8	31	180	95	275	
171	402243	Nguyễn Thị Ngọc Hà	4022	4	11	9	3	41	115	160	275	
172	401870	Nguyễn Xa Hoàng	4018	7	11	13	11	27	195	70	265	
173	401114	Lò Thị Tươi	4011	10	8	10	8	28	165	80	245	
174	401263	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	4012	6	13	10	7	28	165	80	245	
175	401056	Nguyễn Thị Thanh Huyền	4010	2	6	15	9	31	140	95	235	
176	400731	Nguyễn Thị Thu Đông	4007	4	11	16	6	24	170	50	220	
177	402549	Lăng Thị Hoài	4025	2	13	7	6	32	120	100	220	
178	403343	Hoàng Châu Bình	4033	6	8	20	4	22	175	40	215	
179	400361	Bùi Thị Thủy	4003	2	10	7	3	25	85	60	145	
180	400406	Vũ Hoàng Hà	4004									
181	400428	Phan Hồng Ngọc	4004									
182	400913	Vi Công Sang	4009									
183	401246	Lê Văn Tùng	4012									
184	401512	Nguyễn Thị Hương Anh	4015									
185	401750	Bùi Thị Lan Anh	4017									
186	401760	Bùi Thị Mến	4017									
187	401859	Trần Văn Quân	4018									
188	401972	Hoàng Thị Thu Hiền	4019									
189	402012	Nguyễn Văn Mạnh	4020									
190	402722	Nguyễn Bình Minh	4027									
191	402813	Trần Thăng Long	4028									
192	402824	Phạm Văn Tuyên	4028									

Ca thi : 27/03/2018

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
193	403102	Đào Nhật Nam	4031									
194	403219	Trần Thị Mai	4032									

Hà Nội, Ngày tháng năm 2017

TRUNG TÂM CNTT

PHÒNG ĐÀO TẠO

THANH TRA ĐÀO TẠO

TRUNG TÂM ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

BAN GIÁM HIỆU